

700 năm cuộc tình Chế Mân và Huyền Trân Công Chúa (1306-2006)

Dominique Nguyen
(Chương Trình Thế Giới Mã
Lai-Đông Dương)

Trong suốt mấy năm trường lãnh đạo để chống quân xâm lăng của Mông Cổ, quốc vương Champa là Indravarman V qua đời vì tuổi già, mà nhà thương thuyền Âu Châu là Marco Polo, nhân dịp ghé thăm Champa vào năm 1288, có nói đến.

Sau ngày từ trần của vua cha, hoàng tử Harijit, con của hoàng hậu Gaurendraksmi, lên ngôi lấy vương hiệu là Jaya Sinhavarman III, mà tài liệu Trung Quốc gọi là Pou Ti và tài liệu Việt Nam gọi là Chế Mân.

Từ khi lên nắm chính quyền, Chế Mân không ngừng đem lại niềm an vui và thịnh vượng cho quốc gia này. Gần 20 năm lãnh đạo quốc gia, ngài đã để lại cho hậu thế hai công trình kiến trúc đồ sộ đó là tháp Yang Mum (Kom Tum) và tháp Po Klaong Garai (Phan Rang). Sau thế kỷ thứ 15, vương quốc Panduranga trưng dụng tháp này để thờ một trong ba vị thần quan trọng nhất ở địa phương, đó là vua huyền sử Po Klaong Garai.

Hết đương đầu với quân Mông Cổ của Koubilai, ngài chủ trương tiếp tục bang giao với Đại Việt nhưng không bao giờ qui phục nước láng giềng. Ngài cũng tìm cách liên kết chính trị với vương quốc Majapahit của Mã Lai bằng cách kết hôn với công chúa Tapasi của quốc gia này.

Bước vào thiên niên thế kỷ thứ 14 đánh dấu một khúc quanh mới trong chính sách bang giao giữa Champa và Đại Việt. Nhân dịp viếng thăm Champa vào năm 1301, thượng hoàng Trần Nhân Tôn hứa gả công chúa Huyền Trân (tức là em gái của vua Trần Anh Tôn) cho vua Chế Mân, với điều kiện Champa phải nhường cho Đại Việt hai Châu Ô và Lý.

Tháng 6 năm Bính Ngọ (1306) là ngày kết hôn giữa vua Chế Mân và công chúa Huyền Trân. Tháng giêng năm Đinh Mùi (1307), vua Trần Anh Tông đổi hai châu Ô và Lý thành châu Thuận và châu Hóa. Tháng 5 năm Đinh Mùi (1307), quốc vương Chế Mân từ trần. Tháng 10 cùng năm Đinh Mùi (1307), vua Trần Anh Tông sai Trần Khắc Chung sang Champa tìm cách đưa công chúa Huyền Trân về nước.

Đây là cuộc tình hy hữu chưa từng xảy ra trong tiến trình lịch sử ở các nước Đông Nam Á và cũng là một bi kịch tình sử mà các sử gia, các nhà văn và cả kịch ảnh Việt Nam không ngừng bàn đến, tùy theo góc độ quan điểm của mỗi tác giả, như Bao La Cư Sĩ, G. Coedes, Lê Ước, Lê Trang Kiều, G. Maspero, Đỗ Trọng Huê, Phạm Văn Sơn, Thái Văn Kiểm, Võ Liêu (xem thư mục), v.v.

Dù dưới góc độ ngòi bút nào đi nữa, những bài viết về cuộc tình giữa Chế Mân và Huyền Trân của các chuyên gia Việt Nam chỉ nói lên quan điểm riêng tư của những tác giả này, thường mang màu sắc chính trị hay bộc lộ lòng ái quốc của một dân tộc lớn có bốn ngàn năm văn hiến, để rồi quên đi những yếu tố lịch sử quan trọng nhằm dựa vào đó để phân tích lại một cách nghiêm túc và trung thực, dù sự trung thực đó có tổn thương đến danh dự người quá cố đi nữa. Vì vậy chúng tôi có quyền đặt lại những nghi vấn sau đây :

1. Chế Mân có quyền dâng hiến đất đai cho Đại Việt hay không ?
2. Huyền Trân có đủ tư cách pháp lý để lên đàn hỏa hay không ?
3. Tại sao Huyền Trân phải bỏ cung đình chạy trốn ?
4. Đây là danh dự của quốc gia Đại Việt ?
5. Đây là đạo đức và thể diện của công chúa nhà Trần ?

Đó là 5 vấn đề trọng yếu còn chứa đựng bao điều bí ẩn cần được phân tích trong bài khảo luận, mà chúng tôi hy vọng đem lại sự sáng tỏ về biến cố này, nhân ngày kỷ niệm

700 năm cuộc tình sử Chế Mân-Huyền Trân Công Chúa (1306-2006).

*

Cuộc tình Chế Mân và Huyền Trân không phải là câu chuyện hoang đường, mà là một biến cố lịch sử được ghi lại lần đầu tiên trong *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* (ĐVSKTT).

Ai cũng biết ĐVSKTT là biên niên sử chính thức của vương quốc Đại Việt và cũng là tài liệu duy nhất đưa ra những dữ kiện rất là chi tiết liên quan đến cuộc tình Chế Mân và Huyền Trân Công Chúa. Vì là biên niên sử chính thức, thành ra tài liệu này luôn luôn mang màu sắc văn chương chính trị, viết theo quan điểm của vua chúa Đại Việt và nhằm tôn vinh vua chúa Đại Việt hơn là nói lên sự thật của một biến cố đã xảy ra. Đó là qui luật chung của tất cả tư liệu lịch sử cổ ở khu vực các quốc gia Đông Nam Á. Chính vì thế, chúng tôi cần suy xét và phân tích lại một cách nghiêm túc từng khía cạnh của vấn đề trước khi đưa ra lời kết luận.

Đây là phần trích dẫn từ Đại Việt Sử Ký Toàn Thư (tập II, Nhà xuất bản Khoa Học xã Hội, Hà Nội, 1971) liên quan đến cuộc tình Chế Mân và Huyền Trân :

« – Tân sửu năm thứ 9 [1301] Nguyên Đại-đức thứ 5 (...). Tháng 2, nước Chiêm-thành sang cống. Tháng 3, thượng hoàng đi chơi các địa phương, sang Chiêm-thành (...). Mùa đông, tháng 11, thượng hoàng từ Chiêm-thành về (tr. 96).

– Quý mảo năm thứ 11 [1303] (...) Mùa đông, tháng 10, (...) Lấy Đoàn Nhữ Hài làm tham tri chính sự (...). Trước đây sứ nước ta sang Chiêm-thành đều lạy vua nước Chiêm trước, rồi sau mới mở chiếu thư. Khi Nhữ Hài đến, bưng ngay chiếu thư để lên trên án và bảo vua Chiêm rằng : “Từ

khí sứ giả đem chiếu thư của thiên tử đến, xa cách ánh sáng lâu ngày, nay mở chiếu thư ra, hình như trông thấy mặt thiên tử, tôi phải lạy chiếu thư đã rồi mới tuyên đọc sau”. Rồi lập tức hướng vào chiếu thư lạy xuống. Lúc ấy vua nước Chiêm đứng ở bên cạnh, lạy thế không khỏi có chút chưa ổn, nhưng lấy cớ là lạy tờ chiếu thì là thuận lẽ, mà sứ thần cũng không phải khuất. (...). Sau này những người đi sứ Chiêm-thành không lạy vua nước Chiêm là bắt đầu từ Nhữ Hải (tr. 98).

– Ất tị năm thứ 13 [1305] (...) Tháng 2, Chiêm-thành sai Chế Bồ-đài và bộ đảng hơn trăm người đem vàng bạc, hương quý, vật lạ để dâng làm lễ vật cầu hôn. Các quan triều đều cho là không nên, duy có Văn-túc vương là Đạo Tái chủ trương là nên và Trần Khắc Chung tán thành, việc bàn mới quyết (tr. 100).

– Bính ngọ năm thứ 14 [1306] (...). Mùa hạ tháng 6, gả công chúa Huyền-trân cho vua nước Chiêm-thành. Trước đây, thượng hoàng đi chơi các địa phương sang nước Chiêm-thành, đã trót hứa gả con gái cho. Các văn sĩ trong triều ngoài nội nhiều người mượn điển vua nhà Hán đem Chiêu-quân gả cho Hung-nô làm thơ bằng quốc ngữ để chê cười (tr. 102).

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn : Ngày xưa Hán Cao hoàng vì nước Hung-nô thường quấy phá biên giới, mới lấy con gái của dân làm công chúa gả cho thiên vu, kết hôn với người không phải giống nòi, các tiên nho đã từng chê (...). Còn như Nhân tôn đem con gái gả cho vua nước Chiêm-thành là nghĩa gì ? Nói rằng nhân khi đi chơi mà chót hứa gả, sợ thất tín, thì sao không làm việc đổi mệnh

có được không ? Vua giữ ngôi trời mà thượng hoàng đã xuất gia rồi, vua đổi mệnh thì có khó gì, mà lại đem gả cho người xa không phải giống nòi cho đúng lời hẹn ước, rồi lại dùng mưu gian trá cướp lại về sau, thế thì tin ở đâu ? (tr. 102).

- Đinh mùi năm thứ 15 [1307] Mùa xuân tháng giêng. Đổi hai châu Ô Lý làm châu Thuận và châu Hóa, sai hành khiển Đoàn Nhữ Hài đến vỗ yên nhân dân. Trước là vua Chiêm-thành Chế Mân đem đất hai châu ấy làm lễ vật dẫn cưới, người các thôn La-thủy, Tác-hồng, Đà-bồng không chịu theo, vua sai Nhữ Hài đến tuyên dụ đức ý của triều đình, chọn người trong bọn chúng bỏ cho làm quan, lại cấp cho ruộng đất, tha tô thuế cho 3 năm để vỗ về (tr. 103)
- Mùa hạ tháng 5. Vua Chiêm-thành là Chế Mân chết (tr. 103)
- Mùa thu, tháng 9. Con vua Chiêm-thành là Chế Đa-da sai sứ thần là Bảo Lộc-kê dâng voi trắng (tr. 103).
- Mùa đông, tháng 10, sai nhập nội hành khiển thượng thư tả bộc xạ Trần Khắc Chung và an phủ Đặng Văn sang Chiêm-thành đón công chúa Huyền-trân và thế tử Đa-da về. Tục nước Chiêm-thành, hễ vua chết thì hoàng hậu phải vào đàn thiêu chết theo. Vua biết thế, sợ công chúa bị hại, sai bọn Khắc Chung sang, mượn cớ làm lễ viếng và nói rằng : “Nếu công chúa hỏa táng thì việc làm chay không có người chủ trương, chi bằng hãy ra bờ biển làm lễ chiêu hồn ở ven trời, đón linh hồn cùng về, rồi sẽ vào đàn thiêu. Người Chiêm nghe theo (tr. 103).

Khắc Chung dùng thuyền nhẹ cướp lấy công chúa đem về, rồi tư thông với công chúa, loanh quanh

mãi ở đường biển, lâu ngày mới về đến Kinh sư. Hưng nhượng đại vương ghét lắm, mỗi khi trông thấy Khắc Chung thì mắng rằng : “Người ấy đối với nước ta là bất tường, họ tên là Trần Khắc Chung thì nhà Trần có lẽ hết vì người này chẳng” Khắc Chung thường sợ phải lẩn tránh (tr. 104)

Sử thần Ngô sĩ Liên bàn : Trần Khắc Chung là người gian tà biết chừng nào ? Không những là làm việc chó lợn này, đến sau lại vào tội với Văn-hiến hầu vu hãm quốc phu thượng tể (53) vào tội phản nghịch, làm chết oan hơn trăm người mà nó được hưởng phú quý trọn đời (...) (tr. 104).

– Mậu thân, năm thứ 16 [1308] (...) Mùa thu, tháng 8, công chúa Huyền-trân. Thượng hoàng sai trại chủ Hóa Châu cho thuyền đưa 300 người Chiêm về nước (tr. 104)».

Phải công nhận rằng, ĐVSKTT kể lại cốt truyện hôn nhân giữa Chế Mân và Huyền Trân rất là chi tiết và hấp dẫn đối với độc giả bình dân. Tiếc rằng những chi tiết này, nếu nhìn trên khía cạnh lịch sử, còn mang một số điều vừa bí ẩn vừa mâu thuẫn mà chúng tôi xin đưa ra để bình luận.

1. Chế Mân có quyền dâng hiến đất đai cho Đại Việt hay không

Theo ĐVSKTT, sau khi nhận lời hứa của thượng hoàng Trần Nhân Tôn, vua Chế Mân sai Chế Bồ Đài và hơn trăm người đem vàng bạc, hương quý, vật lạ để dâng làm lễ vật cầu hôn vào tháng 2 năm Ất Tị (1305). Tháng 6 năm Bính Ngọ (1306), Huyền Trân về Champa chung sống với Chế Mân. Chỉ trong vòng 6 tháng sau, tức là tháng giêng năm Đinh Mùi (1307), vua Trần Anh Tôn tiếp thu hai châu Ô và

Lý mà vua Chế Mân đã dâng hiến cho Đại Việt để làm quà cưới công chúa Huyền Trân.

Đứng trên phương diện lịch sử mà phân tích, việc vua Chế Mân dâng hiến đất đai Champa cho nước láng giềng, dù sự dâng hiến này để chuộc sứ mạng vì bị bắt làm tù binh chưa nói đến là dâng hiến đất đai để trao đổi lấy một đàn bà có sắc đẹp, hoàn toàn ngược lại với qui chế chính trị của vương quốc Champa thời đó.

Ai cũng biết, Champa là một quốc gia theo chế độ mẫu hệ, tức là một hệ thống tổ chức xã hội trong đó mọi tài sản (dù đất đai hay châu báu) và con cái trong gia đình là thuộc quyền sở hữu của người đàn bà. Người đàn ông dù họ là chồng, vua chúa hay quan lại, không có quyền chiếm đoạt, chuyển nhượng, mua bán hay đổi chác tài sản và con cái này.

Champa là một quốc gia theo chế độ “mẫu hệ” chứ không phải chế độ “mẫu quyền”. Thành vậy mọi quyền lực chính trị và xã hội đều nằm trong tay của người chồng. Đàn ông là người làm chủ gia đình và lãnh đạo quốc gia, nhưng mọi ngôi báu, vương miện và quyền nối ngôi thuộc về gia đình mẫu hệ. Hoàn toàn khác hẳn với thể chế chính trị của nền văn minh Đại Việt, chủ nhân của ngôi báu và đất đai ở Champa là bà hoàng hậu. Vua lên ngôi nhân danh bà hoàng hậu và phải phục vụ để duy trì ngôi báu của dòng tộc hoàng hậu này. Chính vì thế, tất cả những ai có liên hệ trực tiếp (như anh hay em trai của vợ cũng như cậu, bác phía bên vợ) hay gián tiếp (như chú rể) với thân tộc của bà hoàng hậu đều có quyền lên ngôi nếu hội đồng gia đình hoàng gia mẫu hệ chấp thuận.

Theo qui ước chế độ mẫu hệ ở Champa, vua là người lãnh tụ tối cao của một quốc gia, nắm toàn quyền chính trị, quân sự và pháp lý. Vua có quyền lấy bao nhiêu người vợ cũng được nếu bà hoàng hậu chấp thuận, nhưng ông vua không có quyền chuyển nhượng hay đổi chác bất cứ những gì thuộc di sản thuộc về hoàng gia của bà vợ mình, dù đó chỉ là áo quần, chứ đừng nói đến vàng bạc, đất đai và con

cái. Thế thì Chế Mân đã dựa vào qui ước nào của vương quốc Champa này để rồi tự tiện dâng hiến đất đai châu Ô và Lý cho Đại Việt để được cưới công chúa Huyền Trân ?

Không ai phủ nhận là ĐVSKTT đã xác nhận sự chuyển nhượng đất đai này. Nhưng ĐVSKTT quên rằng Chế Mân là một nhà vua cai trị một quốc gia theo chế độ mẫu hệ. Thành vậy, mọi sự dâng hiến đất đai cho Đại Việt hoàn toàn đi ngược lại với thể chế pháp lý của Champa thời đó.

2. Huyền Trân có đủ tư cách pháp lý để lên đàn hỏa hay không

Chưa đầy một năm sau ngày kết hôn, vua Chế Mân chết vào tháng giêng năm Đinh Mùi (1307). Nghe tin này vua Đại Việt sai Trần Khắc Chung sang Champa lập mưu kế để đưa Huyền Trân về nước. Để giải thích cho vấn đề này, vua Đại Việt cho rằng theo tục lệ nước Champa, “hễ vua chết thì hoàng hậu phải vào đàn thiêu chết theo”.

Theo truyền thống Champa, một khi vua từ trần thì bà hoàng hậu thường xin lên đàn hỏa chết chung với chồng, chứ không bị bắt buộc phải lên đàn hỏa với chồng như một số người hiểu lầm. Tục lên đàn hỏa là một vinh dự lớn lao chỉ dành riêng cho bà hoàng hậu nhằm bày tỏ lòng thủy chung của mình đối với chồng, với điều kiện là phải được hội đồng hoàng gia chấp thuận. Chính vì thế, trong suốt 18 thế kỷ của sự tiến trình lịch sử ở Champa, người ta đã ghi nhận chỉ có vài bà hoàng hậu mà thôi đã nhận được ân huệ của hội đồng hoàng gia để lên đàn hỏa chết theo chồng.

Huyền Trân công chúa chỉ là một nằm trong danh sách hàng thứ phi của Chế Mân. Giả sử Huyền Trân công chúa có van xin thật sự đi nữa để lên đàn hỏa cùng chết với Chế Mân, thì hội đồng hoàng gia Champa, tức là cơ quan tập trung các nhân vật cùng dòng tộc với bà hoàng hậu chính thức, không bao giờ chấp nhận, vì tục lên đàn hỏa thiêu có những qui luật sau đây :

- a). Chỉ dành riêng cho bà hoàng hậu chính thức.

b) Phải có dòng máu Champa. Bà Tapasi là hoàng hậu gốc người Java, dù đã giữ một vai trò vô cùng quan trọng trong hoàng cung Champa thời đó mà bia kí thường nói đến, vẫn không nhận được ân huệ lên đàn hỏa với Chế Mân.

Vì không phải là hoàng hậu chính thức và không có dòng máu Champa, Huyền Trân không bao giờ nhận được ân huệ để cùng chết với Chế Mân được. Thế thì chúng tôi không biết vua chúa Đại Việt thời đó dựa vào cơ sở nào để rồi kết luận rằng Huyền Trân bị buộc lên đàn hỏa sau ngày từ trần của Chế Mân.

3. Tại sao Huyền Trân phải bỏ cung đình chạy trốn

Đứng trên phương diện pháp lý, mọi nhân vật dù là vua chúa hay dân thường tìm cách thoát thân chạy trốn trước một biến cố có liên hệ đến xác người chết, đều bị cơ quan pháp lý nghi ngờ là kẻ “phạm pháp”.

Vào tháng 5 năm Đinh Mùi (1307), vua Chế Mân từ trần. Trước cái chết của Chế Mân, đúng ra Huyền Trân phải buồn rầu than khóc để tiễn đưa cho số phận hẩm hiu của người chồng quá cố, dù rằng hai người chỉ mới chung sống với nhau vừa tròn một năm. Đó là quy luật tự nhiên của đôi vợ chồng. Tiếc rằng Huyền Trân không than khóc mà lại tìm đường chạy trốn về Thăng Long. Chúng tôi không nói là Huyền Trân ám hại Chế Mân, nhưng chỉ đặt vấn đề ở đây có chăng Huyền Trân đã làm một việc phạm pháp nào đó có liên hệ đến cái chết của Chế Mân thành ra mới tìm cách chạy trốn. Chính đây mới là chìa khóa quan trọng trong vụ tình sử vô cùng bí ẩn của Chế Mân và Huyền Trân.

Theo ĐVSKTT (tr. 103), nếu Huyền Trân tìm cách thoát thân chạy trốn, là vì :

“Tục nước Chiêm Thành, hễ vua chết thì hoàng hậu phải vào đàn thiêu chết theo. Vua biết thế, sợ công chúa bị hại, sai bọn Khắc Chung sang, mượn cơ làm lễ viếng và nói rằng : Nếu công chúa hỏa táng thì việc làm chay không có

người chủ trương, chi bằng hãy ra bờ biển làm lễ chiêu hồn ở ven trời, đón linh hồn về, rồi sẽ vào đàn thiêu. Người Chiêm nghe theo”.

Đây là lý luận hoàn toàn phi khoa học. Chế Mân từ trần vào tháng 5 năm Đinh Mùi (1307). Theo phong tục của Champa, lễ hỏa táng Chế Mân phải tiến hành vào ngày tốt nhất trong vòng một tháng sau cái chết. Trần Khắc Chung đến Champa vào tháng 10 năm Đinh Mùi (1307) có nghĩa là lễ hỏa táng đã xong rồi trước khi phái đoàn từ Đại Việt đến tiếp cứu. Thì đâu còn đám tang nữa mà vua chúa Đại Việt bày mưu sai Trần Khắc Chung tìm cách đưa Huyền Trân chạy trốn.

Cũng theo ĐVSKTT, vụ thoát thân chạy trốn của Huyền Trân không phải là quyết định riêng tư của công chúa này mà là mệnh lệnh của vua chúa Đại Việt. Ngay cả sử gia Ngô Sĩ Liên, tác giả của Đại Việt Sử Ký Toàn Thư (tr. 102), cũng công nhận dữ kiện này.

Đứng trên phương diện chính trị mà phân tích, sự bày mưu của vua chúa Đại Việt để đưa Huyền Trân về nước bằng con đường thoát thân chạy trốn sau ngày từ trần của Chế Mân hoàn toàn đi ngược lại với qui luật ngoại giao thời đó. Sự kết hôn giữa Chế Mân và Huyền Trân là một hiệp ước chính thức được ký kết giữa hai quốc gia Champa và Đại Việt. Nếu Chế Mân từ trần thì vương quốc Champa phải có nghĩa vụ làm lễ, cho người tháp tùng đưa Huyền Trân về nước. Bà Tapasi, hoàng hậu gốc người Jawa cũng trở về nước sau ngày Chế Mân từ trần. Thế thì tại sao Đại Việt quá vội vã tìm cách “dùng mưu gian trá” cướp Huyền Trân về Thăng Long. Hành động này của vua chúa Đại Việt đã đưa chúng tôi đặt lại một nghi vấn khẩn gọn sau đây :

“Có chăng vua chúa Đại Việt không sợ Huyền Trân lên đàn hỏa mà chết ; vì hội đồng hoàng gia không ai yêu cầu công chúa này lên đàn hỏa ; mà chỉ sợ triều đình Champa đưa Huyền Trân ra pháp lý để xét xử về tội dùng mưu trá mà Đại Việt đã xếp đặt để ám hại Chế Mân ?”

Ngô Sĩ Liên, một quan lại trong triều đình Đại Việt thời đó cũng đồng quan điểm với chúng tôi. Tác giả đặt lại nghi vấn có chăng Huyền Trân đã nhận mệnh lệnh của vua cha để làm việc phi pháp gì đó ở Champa, thành vậy vua Trần Anh Tông phải “dùng mưu gian trá cướp” công chúa đưa về Thăng Long (ĐVSKTT, tr. 104).

Ai cũng biết, chính sách mỹ nhân kế dùng đàn bà Việt để phục vụ cho ý đồ chính trị của Việt Nam cũng thường xảy ra nhiều lần trong lịch sử. Điển hình nhất là trong thế kỷ thứ 17, vua Lê Thần Tông cũng gả một công chúa Việt cho vua Lào là Suliya Vongsa, cũng như Chúa Sãi Vương đã gả công chúa Ngọc Vạn cho vua Chân Lạp là Chey Chetta II và công chúa Ngọc Khoa (con của Chúa Sãi Vương) cho vua Champa là Po Romé (1627-1651).

Ngọc Khoa có tên là Bia Ut trong tư liệu viết bằng tiếng Chăm, có nghĩa là “hoàng hậu miền bắc” (Ut có nghĩa là phía bắc). Sau ngày kết hôn với vua Po Romé, bà ta đã tiếp tay với vua cha ở Phú Xuân hầu cung cấp tin tức liên quan đến chiến lược quân sự của chồng mình. Nhờ tin này, Chúa Nguyễn xua quân chinh phạt Champa bắt được vua Po Romé và nhốt trong rọ sắt. Vì quá hổ thẹn, Po Romé quyết định chấm dứt cuộc đời của mình bằng cách tự tử mà một người truyền giáo tây phương Jé suite Joseph Tissanier đã kể lại. Sau ngày chết của Po Romé, hoàng cung Champa đưa Bia Ut (Ngọc Khoa) ra pháp lý và kết tội tử hình vì tội phản bội tổ quốc bằng cách đạp đầu bà ta vào bùn lầy cho đến khi tắt thở. Sau đó, cung đình Champa ra lệnh tạc tượng bà ta với tư thế đầu chúi xuống đất để hậu thế không quên vụ án này. Theo Nghiêm Thẩm, tượng Bia Ut vẫn còn vào năm 1960 tọa lạc ở cánh đồng Hamu Biuh (Phan Rang) cách đền Po Romé vào khoảng 8 cây số.

Bia Ut, tức là Ngọc Khoa, con của Chúa Sãi Vương bị hoàng cung Champa lên án tử hình vì tội làm gián điệp. Có chăng Huyền Trân cũng mang thân phận như công chúa Ngọc Khoa, tức là bị Champa lên án vì đã nhận sứ mệnh

của triều đình Đại Việt nhằm ám hại Chế Mân để rồi vua Trần Anh Tông phải tìm mưu kế đưa Huyền Trân về Thăng Long. Đây chỉ là giả thuyết của chúng tôi mà thôi. Nhưng giả thuyết này rất gần gũi với quan điểm của nhà sử gia Ngô Sĩ Liên (tác giả của ĐVSKTT), tức là không chấp nhận hành động gian trá của vua chúa Đại Việt trong vụ hôn nhân giữa Chế Mân và Huyền Trân.

Ngô Sĩ Liên là một quan lại quan trọng trong cung đình của Đại Việt. Mặc dù ông ta không nói ra một cách công khai là vua chúa Đại Việt ra lệnh cho Huyền Trân ám hại Chế Mân, nhưng nội dung của một đoạn văn ông viết : “dùng mưu gian trá cướp về sau, thế thì tin ở đâu ?” đã cho chúng tôi một minh chứng rõ rệt thế nào là ý đồ của vua chúa Đại Việt liên quan đến cái chết của Chế Mân và cuộc chạy trốn của Huyền Trân.

Những dữ kiện đã nêu ra, cho phép chúng tôi đề ra một nghi vấn : Huyền Trân chạy trốn không phải vì sợ lên đàn hỏa với Chế Mân mà là sợ bị cung đình Champa kết án về tội liên lụy đến cái chết của vua Chế Mân vào năm 1307. Nhưng đây chỉ là một giả thuyết mà thôi.

4. Đây là thế diện của một quốc gia Đại Việt

Là hai quốc gia láng giềng có hai nền văn hóa và văn minh khác nhau, Champa và Đại Việt không tránh khỏi những xung đột quân sự đẫm máu mà người thắng trận thường giữ quyền ưu thế chiếm đóng đất đai của người thua trận. Trận chiến vẻ vang của vua Lý Thánh Tông chống lại vua Rudravarman III vào năm 1069 đã cho phép Đại Việt xâm chiếm lãnh thổ Champa ở khu vực Địa Lý, Ma Linh và Bố Chính (Quảng Bình-Quảng Trị).

Sự thất thủ của Champa vào năm 1069 là tiếng chuông báo hiệu cho chính sách Nam Tiến của Đại Việt. Kể từ đó, Champa và Đại Việt chỉ biết dùng chiến tranh trong suốt 237 năm để giải quyết sự tranh chấp giữa hai quốc gia, nhưng không ai đạt được phần thắng lợi.

Một khi giải pháp quân sự không còn hiệu nghiệm để chinh phạt Champa nữa, vua chúa Đại Việt lại nghĩ đến mưu đồ đê tiện hơn, đó là dùng mỹ nhân kế để phục vụ cho ý đồ chính trị. Vì quyền lợi chung của dân tộc, vua chúa Đại Việt không cần nghĩ đến thế nào là danh dự của một quốc gia, dù là quốc gia hùng mạnh gấp bội so với lực lượng quân sự Champa thời đó. Năm 1306, vua Trần Nhân Tông tìm cách dâng hiến con gái của mình là Huyền Trân cho vua Chế Mân, một quốc vương nước ngoài mà tuổi đã già, để đổi lấy hai châu Ô và Lý. Ngô Sĩ Liên, tác giả của ĐVSKTT là người đầu tiên đã lên án nhà Trần. Vì lòng tham lam một mảnh đất ở châu Ô và Lý, vua Trần Nhân Tông không còn biết đâu là thể diện của vương quốc Đại Việt để rồi bán đứng trinh tiết con gái của mình cho một người không cùng giống nòi. Ngô Sĩ Liên lý luận rằng, nếu : “Ngày xưa Hán Cao Hoàng vì nước Hung Nô thường quấy phá biên giới, mới lấy con gái của dân làm công chúa để kết hôn với người không phải giống nòi, các tiên nho đã từng chê” (ĐVSKTT, tr. 102), thì sử gia Ngô Sĩ Liên còn tha thứ được vì người đàn bà này không phải là con vua chúa, ngược lại “[Trần] Nhân Tông đem con gái gả cho vua nước Chiêm Thành là nghĩa gì ?” (ĐVSKTT, tr. 102).

Thêm vào đó, Ngô Sĩ Liên còn bày tỏ lòng phẫn nộ của mình trước mưu đồ quá đê hèn mà cấp lãnh đạo Đại Việt đã áp dụng để phục vụ cho ý đồ chính trị của mình, chẳng những không biết đến danh dự quốc gia, nhà Trần còn ra lệnh cho con mình ám hại người khác, tức là Chế Mân để rồi “dùng mưu gian trá” cướp con của mình đưa về Thăng Long. Đây là lời trăn trở của Ngô Sĩ Liên :

“Nói rằng nhân khi đi chơi mà chót hứa gả, sợ thất tín, thì sao không làm việc đổi mệnh có được không ? Vua giữ ngôi trời mà Thượng Hoàng đã xuất gia rồi, vua đổi mệnh thì có khó gì, mà lại đem gả [Huyền Trân] cho người xa không phải giống nòi cho đúng

lời hẹn trước, rồi lại dùng mưu gian trá cướp lại về sau, thế thì tin ở đâu ?” (ĐVSKTT, tr. 102).

Ngô Sĩ Liên là một quan lại quan trọng trong triều đình mà không “tin” nhà Trần, thế thì ai là người còn tin vào chủ trương bang giao với nước láng giềng của Đại Việt nữa.

Đối với Đại Việt, thể diện quốc gia không phải là một vấn đề thực tiễn mà là mục tiêu chính trị. Chính vì thế, nhà Nguyễn vẫn tiếp tục đeo đuổi chính sách này bằng cách dâng hiến công chúa Ngọc Khoa cho vua Po Romé (1627-1651) để thực hiện ý đồ đánh bại cho bằng được quốc vương Champa vào giữa thế kỷ thứ 16.

5. Đâu là luân lý và đạo đức của công chúa nhà Trần

Theo ĐVSKTT, tháng 5 năm Đinh Mùi (1307), vua Chiêm Thành là Chế Mân chết. Tháng 10 cùng năm, vua Trần Anh Tôn sai Trần Khắc Chung sang Chiêm Thành đón công chúa Huyền Trân và thế tử là Chế Đa Đa về. Hơn một năm trôi dạt ở giữa đại dương, tháng 8 năm Mậu Thân (1308), công chúa Huyền Trân về đến Thăng Long. Lợi dụng cơ hội trên đường về, Trần Khắc Chung “tư thông với công chúa [Huyền Trân], loanh quanh mãi ở đường biển, lâu ngày mới về đến Kinh sư” (ĐVSKTT, tr. 103). Nghe tin này, vua Trần Anh Tôn vô cùng phẫn nộ và mỗi khi trông thấy Trần Khắc Chung thì mắng rằng : “Người ấy đối với nước là bất tường, họ tên là Trần Khắc Chung thì nhà Trần có lẽ hết vì người này chăng ?” (ĐVSKTT, tr. 104). Nếu thật sự Huyền Trân chấp nhận cho Trần Khắc Chung khám phá tiết trinh của mình trong suốt 11 tháng lênh đênh ở ngoài biển khơi, thì người ta phải đặt lại vấn đề đâu là đạo đức và thể diện của công chúa Đại Việt thời đó.

Ai cũng biết, trong triều đại của nhà Trần luôn luôn đề cao tôn ti trật tự trong gia đình, đạo đức của người đàn bà

Việt Nam. Sự dâng hiến tiết trinh của một công chúa cho quan lại trong triều là Trần Khắc Chung hoàn toàn đi ngược lại với qui ước đạo đức của người đàn bà Việt do nhà Trần chủ trương. Nếu cho rằng đây chỉ là do sự cưỡng ép của Trần Khắc Chung đi nữa, chúng tôi cho rằng vấn đề này không thể xảy ra được nếu Huyền Trân từ chối. Xưa kia, công chúa Champa là My E, vợ vua Sạ Đầu (Jaya Sinhavarman II) bị bắt làm tù binh vào năm 1044. Trên đường dẫn độ về Thăng Long, tướng Phật Mã dùng quyền lực để uy hiếp dâm bà ta. Vì danh dự của một công chúa Champa, bà ta phải nhảy xuống sông tự tử để giữ trọn tiết trinh với người chồng.

Chế Mân vừa chết chưa đầy 6 tháng. Nhân danh công chúa của một vương quốc Đại Việt có bốn ngàn năm văn hiến, vừa là hoàng hậu của Champa dù chỉ mới một năm, nếu Huyền Trân không thực tâm để tang cho chồng như đàn bà Chăm trong cung đình đã từng thủ tiết, bằng cách không phấn son và không gội đầu trong suốt một năm trường, thì ít ra Huyền Trân cũng phải làm thế nào để giữ danh dự và thể diện một công chúa Việt Nam.

*

700 năm đã trôi qua, nhưng cuộc tình Chế Mân và Huyền Trân Công Chúa vẫn để lại cho hậu thế nhiều câu hỏi lớn. Bài khảo luận của chúng tôi không ngoài mục đích là đem lại một số dữ kiện để làm sáng tỏ lại một số vấn đề bí ẩn nằm trong chính sách bang giao giữa hai quốc gia láng giềng Champa và Đại Việt vào đầu thế kỷ thứ 14.

Tài liệu tham khảo

Bao La Cư Sĩ,

«Huyền Trân về Chiêm quốc.» *Văn hóa nguyệt san*, số 43, tháng 8-1959, trang 913-919.

- Coedes, G.,
Les Etats hindouisés d'Indochine et d'Indonésie. De
Boccard, Paris, 1964.
- Lê Ước,
«Chế Mân và Huyền Trân công chúa.» *Phổ Thông tạp
chí*, số 199, tháng 9-1967, trang 99-104.
- Lê Trang Kiều,
«Huyền Trân công chúa và châu Ô châu Lý cùng câu
chuyện gốc tích thành Lôi ở Huế.» *Phổ Thông tạp chí*,
số 167, 3-1966, số 16, 3-1966.
- Maspero, G.,
Le Royaume de Champa. Van Oest, Paris, 1928.
- Đỗ Trọng Huệ,
«Vua Trần Nhân Tông.» *Hương Trà*, 1968, trang 155-
156.
- Phạm Văn Sơn,
«Vì sao công chúa Huyền Trân qua Hời.» *Phổ Thông
tạp chí*, số 230 tháng 9-1969, trang 23-28.
- Thái Văn Kiểm,
– «Công chúa Huyền Trân và cuộc hôn nhân với Sri
Simhavarman III để đổi lấy hai châu Ô và Lý về cho
Đại Việt» (vùng Quảng Trị-Thừa Thiên ngày nay).
Đất Việt Trời Nam, 1960, trang 399-403.
– «Huyền Trân Công Chúa và ảnh hưởng Chăm trong
các điệu ca Huế.» *Tạp chí Tinh Hoa*, số 02-1950, trang
44-49.
– «Huyền Trân Công Chúa.» *Những Nét Đan Thanh*,
1957, trang 93-102.
– «Huyền Trân về Chiêm Quốc.» *Văn hóa nguyệt san*,
số 34, tháng 8-1959, trang 913-919.
- Võ Liâu,
«Châu Ô và sông Ô Lâu.» *Phổ Thông tạp chí*, số 35,
tháng 4-1959, trang 45-50 ; số 36, tháng 4-1959, trang
36-39 ; số 37, tháng 5-1959, trang 53-58.